**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ VÀ**

**THÔNG TƯ SỐ 01/2018/TT-NHNN**

| **Thông tư số 01/2018/TT-NHNN** | | | **Dự thảo Thông tư** | | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 1** | Thông tư này quy định về cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. | **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này quy định về cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.  **Điều 2.** Đối tượng áp dụng  1. Tổ chức tín dụng.  2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.  3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. | | Về cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư số 01 và được tách thành 02 Điều cho rõ ràng. | |
| **Điều 2** | Đồng tiền cho vay đặc biệt là đồng Việt Nam. | **Điều 6.** Đồng tiền, nguồn tiền cho vay đặc biệt  1. Đồng tiền cho vay đặc biệt là đồng Việt Nam.  2. Nguồn tiền cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này là từ thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền.  3. Nguồn tiền cho vay đặc biệt của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 5 Thông tư này là từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ.  4. Nguồn tiền cho vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam trong các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 5 Thông tư này là từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.  5. Nguồn tiền cho vay đặc biệt trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 5 Thông tư này do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác xem xét, quyết định, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. | | Quy định cụ thể về nguồn tiền cho vay đặc biệt. | |
| **Khoản 1 Điều 4** | Mức cho vay đặc biệt; thời hạn cho vay đặc biệt; mục đích sử dụng khoản cho vay đặc biệt; lãi suất cho vay đặc biệt; lãi suất gia hạn cho vay đặc biệt; lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn; miễn, giảm tiền lãi cho vay đặc biệt; việc xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt (bao gồm cả việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt) thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật số 17/2017/QH14 (sau đây gọi là quyết định của Thủ tướng Chính phủ), phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt. Trường hợp quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt không quy định thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 4.** Nguyên tắc cho vay đặc biệt, xử lý khoản cho vay đặc biệt  1. Số tiền cho vay đặc biệt; thời hạn cho vay đặc biệt; mục đích sử dụng khoản cho vay đặc biệt; tài sản bảo đảm cho khoản cho vay đặc biệt; lãi suất cho vay đặc biệt; lãi suất gia hạn cho vay đặc biệt; lãi suất đối với nợ gốc cho vay đặc biệt quá hạn; miễn, giảm tiền lãi cho vay đặc biệt; việc xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt (bao gồm cả việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt) thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật số 17/2017/QH14 (sau đây gọi là quyết định của Thủ tướng Chính phủ), phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt. Trường hợp quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt không quy định thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này. | | Dự thảo thông tư bổ sung nội dung *“TSBĐ của khoản cho vay đặc biệt”* áp dụng tương tự như đối với nội dung khác của khoản vay đặc biệt (như số tiền cho vay, thời hạn cho vay, mục đích sử dụng khoản vay, lãi suất cho vay...). | |
| **Điều 10** | 1. Thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định nhưng tối đa là 02 năm. | **Điều 11.** Thời hạn cho vay đặc biệt  1. Thời hạn cho vay đặc biệt trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định nhưng dưới 12 tháng. | | Dự thảo Thông tư sửa đổi quy định về thời hạn cho vay đặc biệt dưới 12 tháng. | |
| **Chưa quy định nội dung này** |  | Điều 13. Tài sản bảo đảm 1. Trường hợp vay đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này, bên đi vay phải sử dụng tài sản bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:  a) Cầm cố giấy tờ có giá bao gồm: tín phiếu Ngân hàng Nhà nước; trái phiếu Chính phủ (gồm: tín phiếu Kho bạc, trái phiếu Kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương, công trái xây dựng Tổ quốc); trái phiếu Chính phủ do Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ chỉ định phát hành; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (gồm: trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn, trái phiếu do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn, trái phiếu do Tổng Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn); trái phiếu Chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phát hành;  b) Cầm cố trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trừ các ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc), ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi là ngân hàng thương mại nhà nước);  c) Cầm cố trái phiếu được phát hành bởi tổ chức tín dụng (trừ ngân hàng thương mại quy định tại điểm b Khoản này) và doanh nghiệp khác;  d) Thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ khoản cho vay của bên đi vay đối với cá nhân, tổ chức (trừ tổ chức tín dụng).  2. Trong thời gian vay đặc biệt, trường hợp tài sản bảo đảm không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 14 Thông tư này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tài sản bảo đảm không đáp ứng điều kiện, bên đi vay phải bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 14 Thông tư này để tổng giá trị tài sản bảo đảm không thấp hơn tổng giá trị tài sản bảo đảm trước khi bổ sung, thay thế.  3. Trường hợp vay đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này, bên đi vay phải bổ sung tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư này.  4. Sau khi bên đi vay trả hết nợ gốc và lãi vay đặc biệt, bên cho vay thực hiện chấm dứt cầm cố, thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản cho vay đặc biệt.  5. Giá trị tài sản bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. | | Dự thảo Thông tư bổ sung quy định về TSBĐ cho khoản vay đặc biệt. | |
| **Chưa quy định nội dung này** |  | Điều 14. Điều kiện tài sản bảo đảm 1. Giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  a) Được phát hành bằng đồng Việt Nam;  b) Đang được lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước;  c) Không phải là giấy tờ có giá do bên đi vay phát hành.  2. Trái phiếu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  a) Được phát hành bằng đồng Việt Nam;  b) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên đi vay;  c) Không phải là giấy tờ có giá do bên đi vay phát hành.  3. Trái phiếu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này;  b) Đang được niêm yết theo quy định của pháp luật;  c) Có tài sản bảo đảm và tại thời điểm tổ chức tín dụng lập hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt, giá trị tài sản bảo đảm không thấp hơn mệnh giá trái phiếu.  4. Khoản cho vay quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  a) Bằng đồng Việt Nam;  b) Được phân loại nợ vào nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng;  c) Có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ giá trị khoản cho vay và tại thời điểm tổ chức tín dụng lập hồ sơ đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt, giá trị tài sản bảo đảm không thấp hơn dư nợ của khoản cho vay. | | Dự thảo Thông tư bổ sung quy định về điều kiện TSBĐ cho khoản vay đặc biệt. | |
| **Chưa quy định nội dung này** |  | Điều 15. Tỷ lệ giữa giá trị tài sản bảo đảm và số tiền cho vay đặc biệt 1. Tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này và số tiền cho vay đặc biệt bằng tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá và số tiền cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.  2. Tỷ lệ giữa giá trị tài sản bảo đảm quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 13 Thông tư này và số tiền cho vay đặc biệt tối thiểu là 170%. | | Dự thảo Thông tư bổ sung quy định về tỷ lệ giữa giá trị TSBĐ và số tiền cho vay đặc biệt | |
| **Điều 12** | 1. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này khi phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng chưa được phê duyệt hoặc thay đổi phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng nhưng chưa được phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt trên cơ sở tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng hoặc chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thời gian gia hạn mỗi lần tối đa là 02 năm. | **Điều 16.** Gia hạn cho vay đặc biệt 1. Trường hợp bên đi vay đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này khi phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng chưa được phê duyệt hoặc thay đổi phương án cơ cấu lại, phương án chuyển nhượng nhưng chưa được phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt trên cơ sở tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng hoặc chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thời gian gia hạn mỗi lần không vượt quá thời hạn cho vay đặc biệt. | | Dự thảo Thông tư sửa đổi quy định về thời gian gia hạn khoản vay đặc biệt | |
| **Điều 13** | 2. Biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp bên đi vay không trả hết khoản vay đặc biệt đúng hạn và không được gia hạn:  a) Chuyển khoản cho vay đặc biệt sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng; áp dụng lãi suất đối với nợ gốc quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này;  b) Trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước sau khi có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc trích tài khoản tiền gửi để thu hồi nợ;  c) Thu hồi nợ từ các nguồn khác của tổ chức tín dụng. | **Điều 17.** Trả nợ vay đặc biệt  3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tiền thanh toán, thu hồi từ tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt, bên đi vay phải trả nợ gốc vay đặc biệt số tiền bằng số tiền thanh toán, thu hồi.  4. Trường hợp bên đi vay không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này, trong thời hạn 03 ngày làm việc tiếp theo sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này, bên đi vay phải trả nợ gốc vay đặc biệt số tiền được xác định theo công thức sau:  ST = GT x TL  Trong đó:  a) ST: Số tiền tổ chức tín dụng phải trả nợ Ngân hàng Nhà nước;  b) GT: Giá trị của tài sản bảo đảm không đáp ứng điều kiện theo quy định;  c) TL: Tỷ lệ tối thiểu quy định tại Điều 15 Thông tư này tương ứng với tài sản bảo đảm không đáp ứng điều kiện.  5. Biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp bên đi vay không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều này và không được gia hạn:  a) Chuyển khoản cho vay đặc biệt sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng; áp dụng lãi suất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư này đối với số tiền nợ gốc vay đặc biệt không trả nợ đúng hạn tính từ ngày tiếp theo ngày bên đi vay phải trả đến ngày bên đi vay trả hết số tiền không trả nợ đúng hạn;  b) Trích tài khoản tiền gửi của bên đi vay tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi hết số tiền bên đi vay phải trả (bao gồm nợ gốc vay đặc biệt không trả đúng hạn và lãi quy định tại điểm a Khoản này) kể từ ngày làm việc tiếp theo ngày chuyển khoản cho vay đặc biệt sang theo dõi quá hạn;  c) Yêu cầu bên đi vay chuyển quyền sở hữu tài sản bảo đảm là giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này cho bên cho vay;  d) Thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm là giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm là giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này để thu hồi nợ (gốc, lãi) cho vay đặc biệt;  đ) Thu hồi nợ từ các nguồn khác của bên đi vay, bao gồm tiền thu hồi từ xử lý tài sản bảo đảm quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 13 Thông tư này.  6. Biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp bên đi vay không trả nợ vay đặc biệt theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này:  a) Áp dụng lãi suất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư này đối với số tiền nợ gốc vay đặc biệt không trả nợ đúng hạn, trong khoảng thời gian từ ngày tiếp theo ngày hết thời hạn trả nợ quy định tại khoản 3, 4 Điều này đến ngày bên đi vay trả hết số tiền nợ gốc không trả nợ đúng hạn.  b) Trích tài khoản tiền gửi của bên đi vay tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi hết số tiền bên đi vay phải trả (bao gồm nợ gốc vay đặc biệt không trả đúng hạn và lãi quy định tại điểm a Khoản này) kể từ ngày làm việc tiếp theo ngày hết thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này. | | Do dự thảo Thông tư bổ sung quy định về TSBĐ cho khoản vay đặc biệt của TCTD nên tương ứng bổ sung quy định về việc TCTD phải trả nợ khoản vay đặc biệt liên quan đến TSBĐ. | |
|  | **Điều 14.** Trình tự Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản Điều 15. Trình tự Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt **Điều 16.** Trình tự Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định gia hạn cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản  **Điều 17.** Trình tự Ngân hàng Nhà nước gia hạn khoản vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt  **Điều 18.** Trình tự Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt | **Điều 18.** Trình tự Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản Điều 19. Trình tự Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt **Điều 20.** Trình tự Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định gia hạn cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản  **Điều 21.** Trình tự Ngân hàng Nhà nước gia hạn khoản vay đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt  **Điều 22.** Trình tự Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt để hỗ trợ thanh khoản.  **Điều 23.** Trình tự Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phế duyệt. | | Dự thảo Thông tư về cơ bản kế thừa các quy định tại Thông tư số 01 về trình tự xử lý đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt của TCTD; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với phân công nhiệm vụ hiện nay của CQTTGS và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. | |
| **Điều 19** | 1. Đối với khoản cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt  a) Khi có nhu cầu được giải ngân vốn vay đặc biệt, tổ chức tín dụng gửi văn bản đề nghị giải ngân khoản vay đến Ban kiểm soát đặc biệt, trong đó nêu rõ số tiền, thời điểm, lý do đề nghị giải ngân;  b) Trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn vay của tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt xem xét, có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với đề nghị giải ngân khoản vay của tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, kèm theo văn bản đề nghị giải ngân của tổ chức tín dụng;  c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam xem xét giải ngân khoản vay đặc biệt trên cơ sở hợp đồng cho vay đặc biệt, đề nghị giải ngân khoản vay của tổ chức tín dụng và ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt. | **Điều 24.** Cầm cố tài sản bảo đảm, giải ngân cho vay đặc biệt  1. Sau khi nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng đề nghị vay và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thực hiện các thủ tục cầm cố giấy tờ có giá là tài sản bảo đảm cho khoản cho vay đặc biệt theo danh mục kèm theo văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.  2. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước chỉ giải ngân cho vay đặc biệt sau khi đã hoàn thành thủ tục cầm cố, thế chấp tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư này và quy định có liên quan.  3. Đối với khoản cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cho vay hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án chuyển nhượng đã được phê duyệt:  a) Khi có nhu cầu được giải ngân vốn vay đặc biệt, tổ chức tín dụng gửi văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt đến Ban kiểm soát đặc biệt, trong đó nêu rõ số tiền, thời điểm, lý do đề nghị giải ngân;  b) Trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt xem xét, có ý kiến đối với đề nghị giải ngân của tổ chức tín dụng quy định tại điểm a Khoản này. Trường hợp đồng ý, Ban kiểm soát đặc biệt có văn bản (trong đó, nêu rõ số tiền, thời điểm giải ngân) kèm theo văn bản đề nghị giải ngân của tổ chức tín dụng gửi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;  c) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam xem xét giải ngân khoản vay đặc biệt trên cơ sở hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký, văn bản đề nghị giải ngân vốn vay đặc biệt của tổ chức tín dụng và văn bản ý kiến của Ban kiểm soát đặc biệt. | | Để thuận lợi cho việc nhận TSBĐ (cầm cố giấy tờ có giá) và giải ngân tiền cho vay đặc biệt, dự thảo Thông tư quy định Sở Giao dịch NHNN là đơn vị giải ngân thay cho NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. | |
|  | **Điều 20.** Trách nhiệm của bên đi vay  **Điều 21.** Trách nhiệm của BHTG VN, NHHTX, TCTD cho vay  **Điều 22.** Trách nhiệm của Ban Kiểm soát đặc biệt  **Điều 23.** Trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN | **Điều 25.** Trách nhiệm của bên đi vay  **Điều 26.** Trách nhiệm của BHTG VN, NHHTX, TCTD cho vay  **Điều 27.** Trách nhiệm của Ban Kiểm soát đặc biệt  **Điều 28.** Trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN | | Dự thảo Thông tư về cơ bản kế thừa các quy định tại Thông tư số 01 về trách nhiệm của TCTD và các đơn vị; đồng thời, để phù hợp với các quy định đã được sửa đổi, bổ sung về TSBĐ và trình tự thực hiện cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt, dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung về trách nhiệm của TCTD đi vay, bên cho vay và các đơn vị liên quan. | |
|  | **Điều 24.** Điều khoản chuyển tiếp | **Điều 29.** Điều khoản chuyển tiếp | | Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung các quy định chuyển tiếp đối với các khoản cho vay đặc biệt hiện còn số dư. | |